TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG MÃ** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 45/2019/HSST Ngày 28 - 5- 2019	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đèo Văn Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thành Vân, ông Nguyễn Thế Chung.

- **Thư ký phiên toà**: Ông Bùi Quang Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên toà**: Bà Lò Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2019/HSST ngày 23 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/HSST-QĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lường Văn N** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 08/02/1991. Nơi sinh: Sông Mã - Sơn La.

Nơi ở và ĐKHKTT: Bản B, xã N, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Đảng phái: Không. Con ông: Lường Văn Đ; con bà Quàng Thị Đ1, vợ là Lường Văn L có 01 con sinh năm 2010. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/12/2018 cho đến nay có mặt tại phiên toà.

2. Họ và tên: **Lò Văn Q** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 18/3/1994. Nơi sinh: Sông Mã, Sơn La.

Nơi ở và ĐKHKTT: Bản N, xã N, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Nghề nghiệp: Trồng trọt. Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Thái; Quốc tịch Việt Nam; Tôn giáo: Không; Đảng phái: Không. Con ông: Lò Văn N1 (đã chết); con bà Quàng Thị Đ1, vợ con chưa có.

Tiền án: Ngày 15/11/2017 bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 18 tháng án treo, thử thách 36 tháng về tội Cố ý gây thương tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/12/2018 cho đến nay có mặt tại phiên toà.

Người bị hại:

1. Anh Phàng A S, sinh năm 1992, trú tại bản B, xã CK, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

2. Anh Quàng Văn T, sinh năm 1978 trú tại bản L, xã H, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Quàng Thị Đ1, sinh năm 1975, trú tại bản N, xã N, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Ông Lường Văn Đ, sinh năm 1961, trú tại bản B, xã N, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1997, trú tại T7 tt Sông Mã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do Nghiện chất ma túy để có tiền tiêu sài và mua ma túy sử dụng các bị cáo đã thực hiện các vụ cướp như sau:

Vự thứ nhất: Khoảng 19 giờ ngày 26/12/2018 Lò Văn Q đang ở nhà thì Lường Văn N đi xe môtô nhãn hiệu Wave BKS 26C1 – 044.95 màu đỏ - đen đến nhà. Tại nhà N đã rủ Q đi mua ma túy sử dụng, sau đó N bàn với Q đi sẽ đi chặn đường xin tiền nếu không có tiền thì lấy dây chuyền mang bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. N bảo Q lấy mang theo 02 con dao của gia đình nhà Q, Q đưa con dao bằng Inox cho N cất vào trong túi đang đeo trên người, con dao còn lại Q dắt vào hông cạp quần bên phải đang mặc, N đưa cho Q 01 khẩu trang để bịt mặt, N điều khiển xe chở Q đi lên bản B, Chiềng Khoong gặp hỏi mua được một người đàn ông không quen 01 gói ma túy rồi cùng nhau sử dụng hết, đến khoảng 22 giờ 30 phút hai người đi về nhà, khi đi đến bãi cát thuộc bản P, xã Chiềng Khoong thì gặp anh Quàng Văn T cùng vợ là Lò Thị K trú tại bản L, xã H, huyện Sông Mã đang dắt xe, N và Q dừng xe hỏi thì biết xe của anh T bị hết xăng, N chở chị K đi xuống cây xăng bản P, xã Chiềng Khoong, và lên Bệnh viện đa khoa huyện Sông Mã để tìm mua xăng còn Q và anh T đứng ở đường QL 4G chờ, hai người đến thì cửa hàng đã đóng cửa nên không mua được, nên N chở chị K về nhà, sau khi quay về N nảy sinh ý định cướp tài sản của anh T nên gọi cho Q bảo Q cướp nhưng Q bảo một mình không làm được nên N bảo Q chờ ở đấy để N xuống rồi cùng thực hiện, khi Q cùng anh Tôn đang chuẩn bị dắt xe xuống dốc để qua cầu phao (làm bằng tre) sang bản H xã Chiềng Khoong thì N đến, N đi xe qua cầu phao sang bản H, anh T dắt xe còn Q kéo xe phía sau thì chị K gọi điện đến, anh

T lấy điện thoại trong túi quần ra nghe thì Q giật lấy chiếc điện thoại nhãn hiệu HTC màn hình cảm ứng và nói với chị K là đang đưa anh T về rồi cầm luôn điện thoại. Còn N đi sang đến đầu cầu phao thuộc bản H thì dựng xe ở đầu cầu rồi đi bộ sang cầu gặp anh T và Q dắt xe đi đến giữa cầu phao, N chặn xe lại dùng tay trái túm vào cổ áo anh T, tay phải lấy con dao ở trong túi đang đeo ra kề vào cổ anh T làm xe mô tô bị đổ sang phải nằm trên mặt cầu, N nói: "*Có tiền thì đưa hết ra sẽ không bị làm sao*", lúc này Q ở phía sau dùng tay phải rút lấy con dao ở cạp quần ra, tay trái túm cổ áo phía sau tay phải cầm dao kề vào cổ nói có tiền thì mang hết ra, anh T nói: "*Còn một ít ở trong này*", N bỏ tay trái ra móc ví từ trong túi quần ra xem có 147.000đ, N lấy tất cả số tiền cho vào túi khoác, sau khi lấy tiền xong N đẩy anh Tôn ngã xuống sông bỏ lại ví, N và Q bỏ chạy sang đầu cầu phao H lấy xe bỏ chạy xuống cầu bản N, xã Chiềng Cang rồi tiếp tục đi lên bản B tìm mua ma túy sử dụng và ngủ tại đó. Còn anh T được mọi người đưa về nhà.

Vụ thứ hai: Đến khoảng 07 giờ ngày hôm sau (27/12/2018) N và Q đi về nhà, trên đường đi N rủ Q tiếp tục đi cướp tài sản, Q đồng ý, khi hai người đi cách bản B khoảng 01km dừng xe lại để chặn người qua đường và bàn nhau N sẽ đi ngược lên phía đường B một đoạn để xem có ai đi qua thì N sẽ đi nhờ để ngồi phía sau khống chế, còn Q đứng dưới chờ, khi nào N đi nhờ được xe thì Q đuổi theo chặn xe lại và dặn Q thấy có nhiều xe thì đừng chặn, chỉ chặn người đi một mình, sau đó N đi bộ cách chỗ Q đứng khoảng 30 – 40m, khoảng 10 phút sau N thấy anh Phàng A S trú tại bản B, xã Chiềng Khoong đang điều khiển xe lên hướng bản B, N đội mũ bảo hiểm rồi đeo khẩu trang xin đi nhờ lên bản B, anh S đồng ý, khi đi được khoảng 500m thì Q đi xe ngược xuống chặn đầu xe của anh Sử lại rồi Q quay ngang xe ra đường, lúc này N lấy con dao ở trong túi khoác đang đeo ra cầm bằng tay phải còn tay trái túm vào cổ áo người anh S lôi ra khỏi xe hỏi tiền yêu cầu anh S đưa chìa khóa xe và điện thoại, hỏi giấy tờ xe thì anh S bảo để giấy tờ ở nhà, Q cũng cầm con dao kề vào cổ anh S, một tay túm cổ áo, khi Q và anh S giằng co nhau N nhìn thấy trên cổ anh S có đeo một chiếc dây chuyền bằng bạc nên dùng tay trái giật lấy chiếc vòng cổ cho vào chiếc túi khoác, N tiếp tục ra mở cốp xe của anh Sử thấy bên trong có một chiếc ví màu nâu nhưng không kiểm tra, N đóng cốp xe lại, còn Q và anh S vẫn đang giằng co nhau rồi cả hai cùng ngã xuống tà ly âm cách đường khoảng 2 – 3m, N nổ máy xe của anh S đồng thời gọi Q đi về, N đi xe của anh Sử đi trước còn Q đi xe theo sau, khi đi được khoảng 01km thì N dừng xe lại mở cốp xe lấy ví ra kiểm tra thấy bên trong có giấy tờ xe cùng số tiền 35.000đ, N lấy tất cả tiền cho vào chiếc túi khoác đang đeo, còn ví và giấy tờ xe N cho vào trong cốp xe đóng lại, N rút chìa khóa ném xuống phía tà ly âm để lại chiếc xe mô tô của anh S ở ven đường, sau đó N chở Q đi theo đường xuống bản BL rồi về nhà, trên đường về đến cầu treo thị trấn Sông Mã đi vào cửa hàng vàng bạc Thắng Nhâm do chị Nguyễn Thị B quản lý bán sợi dây chuyền bằng bạc được 340.000đ, rồi tiếp tục mang chiếc điện thoại của anh S đến cửa hàng điện thoại của anh Phạm Văn P ở bản Trại Giống, xã N bán được 500.000đ, có

tiền N và Q đã cùng nhau chi tiêu và mua ma túy sử dụng hết. còn anh S đuổi theo thì thấy chiếc mô tô dựng ở ven đường nhưng không thấy chìa khóa nên anh S đã gọi điện thoại về nhà đồng thời trình báo Ban công an xã Chiềng Cang, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Quá trình xác minh, Cơ quan điều tra đã triệu tập Lường Văn N và Lò Văn Q khai nhận hành vi cướp tài sản của anh S và anh T.

Thu giữ của N 01 chiếc điện thoại, 01 chiếc ví giả da màu đen, 01 xe mô tô BKS 26C1 – 044.95, 01 khẩu trang bằng vải màu xanh trắng, 01 mũ bảo hiểm.

Thu giữ của Q 02 con dao bằng kim loại, 01 túi đeo giả da màu nâu, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia – N1280, 01 chiếc khẩu trang vải màu nâu đen, 01 chiếc mũ bảo hiểm.

Tại kết luận định giá tài sản số 22/KL ngày 16/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản thuộc UBND huyện Sông Mã, kết luận:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu HTC màu rắng, giá trị 1.000.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 33/KL ngày 18/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản thuộc UBND huyện Sông Mã, kết luận: *01 dây chuyền bạc được chế tác dạng 01 mắt xích dẹt nối với 05 mắt xích tròn có khối lượng 37,31 gam, giá trị 500.000 đồng.*

Đối với Phạm Văn P và Nguyễn Thị B là người đã mua chiếc điện thoại nhãn hiệu HTC và dây chuyền bạc của các bị cáo, nhưng khi mua bán P và B không biết đó là tài sản do các bị can phạm tội mà có nên cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Mã không đặt vấn đề xử lý.

Đối với người đàn ông dân tộc Mông đã bán ma túy cho N và Q ở khu vực bản B, Chiềng Khoong, Sông Mã, do N và Q không biết rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người này nên không có căn cứ để điều tra mở rộng vụ án.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đỏ- xám- đen có BKS 26C1 – 044.95 hai bị can sử dụng làm phương tiện gây án, quá trình điều tra xác định chiếc xe thuộc quyền sở hữu của Lường Văn Đ (bố của N) trú tại bản B, xã N, Sông Mã, Sơn La, đăng ký mang tên Lường Văn Đ chiếc xe do anh Đ mua tại cửa hàng bán xe máy Tuyến Xuân ở thị trấn Sông Mã vào năm 2012 với giá 17.000.000đ.

Về dân sự: Bị hại Phàng A S đã được gia đình các bị cáo bồi thường số tiền 6.000.000đ và bị hại Quàng Văn T đã được gia đình các bị cáo bồi thường số tiền 1.400.000đ, các bị hại không có yêu cầu gì thêm.

Do các hành vi nêu trên tại bản cáo trạng số 38/CT-VKSSM ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã đã truy tố các bị cáo Lường Văn N và Lò Văn Q về tội Cướp tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Lường Văn N và Lò Văn Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã sau khi phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của từng bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Lường Văn N và Lò Văn Q phạm tội Cướp tài sản.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lường Văn N từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Điều 38, 56, 58 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lò Văn Q từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số 15/2017/HSST ngày 15/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1,2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 02 con dao; 02 túi giả da màu đen; 01 chiếc ví giả da màu đen; 02 chiếc khẩu trang; 02 chiếc mũ bảo hiểm; 01 đôi găng tay.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 02 điện thoại.

- Trả lại cho anh Phàng A S 01 dây chuyền bằng bạc.

- Trả lại cho ông Lường Văn Đ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda – Wave RSX mùa đỏ đen BKS 26C1 – 04495.

- Về trách nhiệm dân sự: Gia đình các bị cáo đã bồi thường xong tại phiên tòa các bị hại và người liên quan không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xét.

- Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Tại phần tranh luận: Các bị cáo, người bị hại, người liên quan không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Sông Mã, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện Sông Mã, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các

hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các chứng cứ như sau:

Tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không thay đổi không bổ sung gì thêm. Các bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, các bị cáo khẳng định việc khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn tự nguyện phù hợp với đơn trình báo của người bị hại; biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ 10 phút ngày 26/12/2018 tại cầu phao bắc qua sông mã sang bản H trong khi anh Quàng Văn T đang dắt xe qua cầu các bị cáo chặn xe túm cổ áo dùng dao kề vào cổ yêu cầu anh T đưa tiền, chiếm đoạt của anh T số tiền 147.000 đồng, 01 điện thoại di động. Khoảng 07 giờ ngày 27/12/2018 tại đường liên bản B đi B, xã Chiềng Khoong các bị cáo đã chặn xe mô tô của anh Phàng A S dùng tay túm cổ áo, kề dao vào cổ chiếm đoạt của anh Sử số tiền 35.000 đồng và 01 sợi dây chuyền bằng bạc.

Như vậy hành vi nêu trên của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Cướp tài sản theo quy định tại Điều 168 của Bộ luật Hình sự, do đó bản cáo trạng số 38/CT-VKSSM ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La và luật tội của Kiểm sát viên truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người đúng tội và đúng quy định của pháp luận. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Xét về khung hình phạt và tổng hợp hình phạt: Các bị cáo sử dụng dao để de dọa các bị hại là hung khí nguy hiểm tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm tù.

Đối với bị cáo Lò Văn Q bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách của bản án số 15/2017/HSST ngày 15/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La do đó HĐXX cần áp dụng khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[4] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện sự liều lĩnh và nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến sức khỏe, danh dự và quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị án tại địa phương, các bị cáo đều nhận thực rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Vì vậy cần xử lý các bị cáo thật nghiêm khắc để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Xét về tính chất mức độ tham gia của các bị cáo trong vai trò đồng phạm: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Đối với Lường Văn N là người khởi sướng rủ rê bị cáo Lò Văn Q và bàn bạc chuẩn bị phương tiện, công cụ, trực tiếp thực hiện hành vi như vờ xin đi nhờ xe, túm cổ áo kề dao vào cổ, giật dây chuyền, đẩy anh T xuống sông và lấy xe anh S và lục lấy tiền chiếm đoạt của anh T 147.000 đồng anh S 35.000 đồng nên bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án. Đối với bị cáo Lò Văn Q khi được bị cáo N rủ đã hưởng ứng tham gia tích cực như lấy dao của gia đình, túm cổ cáo kề dao vào cổ và lấy điện thoại của anh T và chặn xe, túm cổ áo và kề dao vào cổ, vật lộn với anh S nên bị cáo giữ vai trò giúp sức trong vụ án.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo: Bị cáo Lường Văn N tuy chưa có tiền án tiền sự nhưng là đối tượng nghiện chất ma túy. Đối với bị cáo Lò Văn Q có 01 tiền án bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 18 tháng án treo, đang chấp hành án trong thời gian thử thách nay lại phạm tội mới, do đó bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tình tiết tăng nặng "*tái phạm"* theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Do các bị cáo thực hiện hành vi cướp tài sản hai lần của hai người nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự " *phạm tội hai lần trở lên*" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy cần xử lý các bị cáo nghiêm minh.

Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và các bị cáo tác động đến gia đình tự nguyện thỏa thuận bồi thường. Nên được hưởng chung các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Theo biên bản xác minh và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, xác định các bị cáo không có tài sản riêng và gia đình hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Đối với hành vi dùng tay đẩy anh Quàng Văn T ngã xuống sông và lấy xe của anh Phàng A S và ném chìa khóa xe của bị cáo Lường Văn N không nhằm mục đích cố ý gây thương tích hay giết người và chiếm đoạt xe mô tô mà chỉ nhằm mục đích để các bị hại không đuổi theo các bị cáo được, do đó Cơ quan điều tra không xử lý bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

[9] Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đỏ - xám - đen có BKS 26C1-044.95 là thuộc quyền sở hữu của ông Lường Văn Đ (bố của bị cáo N). Việc N sử dụng vào việc phạm tội ông Đ không biết, đó đó cần trả lại cho ông Đ.

[10] Đối với anh Phạm Văn P và chị Nguyễn Thị B là người đã mua chiếc điện thoại nhãn hiệu HTC và dây chuyền bạc của các bị can, nhưng khi mua bán anh P và

chị B không biết đó là tài sản do các bị can phạm tội mà có nên cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Mã không đặt vấn đề xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xẩy ra, chị Quàng Thị Đ (mẹ bị cáo Lò Văn Q) và ông Lường Văn Đ (bố bị cáo Lường Văn N) đã thỏa thuận bồi thường cho bị hại Phàng A S số tiền 6.000.000 đồng và bị hại Quàng Văn T số tiền 1.400.000 đồng. Các bị hại nhất trí đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm. Xét việc thỏa thuận trên là tự nguyện đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị B đã mua dây chuyền bạc với số tiền 340.000 đồng. Trước khi mở phiên tòa chị B có đơn không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền chị đã mua dây chuyền nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 02 con dao; 02 khẩu trang; 01 túi đeo giải da; 02 chiếc mũ bảo hiểm; 01 đôi găng tay là phương tiện, công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 02 chiếc điện thoại di động của hai bị cáo các bị cáo sử dụng liên lạc bàn bạc trong việc phạm tội do đó tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 02 chiếc ví giả da là vật không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 dây chuyền bằng kim bạc các bị cáo gật của anh Phàng A S nên cần trả lại cho anh S.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen BKS 26C1 – 044.95 tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Lường Văn Đ nên cần trả lại cho ông Đ.

[11] Về án phí: Các bị cáo Lường Văn N và Lò Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên***,**

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lường Văn N và Lò Văn Q phạm tội: "*Cướp tài sản"*.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

2. Xử phạt: - Bị cáo Lường Văn N 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 28/12/2018).

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 và các Điều 38, 56, 58 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Lò Văn Q 08 (tám) năm tù. Tổng hợp với 18 tháng tù án treo của bản án số 15/2017/HSST ngày 15/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La. Buộc bị cáo

phải chấp hành chung của hai bản án là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 28/12/2018).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 585 Bộ luật dân sự:

- Chấp nhận bà Quàng Thị Đ (mẹ đẻ bị cáo Q) và ông Lường Văn Đ (bố bị cáo N) đã bồi thường cho bị hại Phàng A S số tiền 6.000.000 đồng và bị hại Quàng Văn T số tiền 1.400.000 đồng và chấp nhận các bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường các khoản chi phí khác.

- Chấp nhận chị Quàng Thị Đ và ông Lường Văn Đ tự nguyện không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả số tiền 6.000.000 đồng và 1.400.000 đồng đã bồi thường cho các bị hại Quàng Văn T và Phàng A S.

4. Vật chứng: Áp dụng khoản 1,2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 con dao nhãn hiệu KIWI-BRAND có cán bằng nhựa đen, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng kích thước 33x3.5 cm; 01 dao có cán bằng gỗ màu vàng, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng kích thước 37x1.4cm; 01 túi đeo giả da màu nâu nhãn hiệu JEEP-LING HANG; 01 chiếc ví giả da màu đen; 01 chiếc ví giả da màu nâu; 01 chiếc khẩu trang bằng vải màu đen; 01 chiếc khẩu trang bằng vải màu trắng; 01 chiếc mũ bảo hiểm nhãn hiệu AMBY HELMET loại ½ màu xám nâu; 01 chiếc mũ bảo hiểm nhãn hiệu AMBY HELMET loại ½ không có kính, màu xám nâu; 01 đôi găng tay làm bằng sợi len màu đen.

+ Tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA – N1 280 màu tím đen, số Imei 352832/05/394918/6, đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu GOLDBERG – K9 màu cam – đen, số Imei: 357072071330383, đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho ông Lường Văn Đ 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda- Wave RSX màu đỏ đen BKS 26C1 – 044.95.

+ Trả lại cho anh Phàng A S 01 sợi dây chuyền bằng kim bạc, đã qua sử dụng.

(Tang vật đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La theo biên bản giao nhận vật chứng, ngày 24 tháng 4 năm 2019).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Bị cáo Lường Văn N và Lò Văn Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Toà án ND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Sông Mã;
- Công an huyện Sông Mã;
- THAHS + DS;
- STP tỉnh;
- Bị cáo; người liên quan;
- Bị hại;
- Chánh án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên toà

Đèo Văn Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thành Vân **Nguyễn Thế Chung** **Đèo Văn Q**